



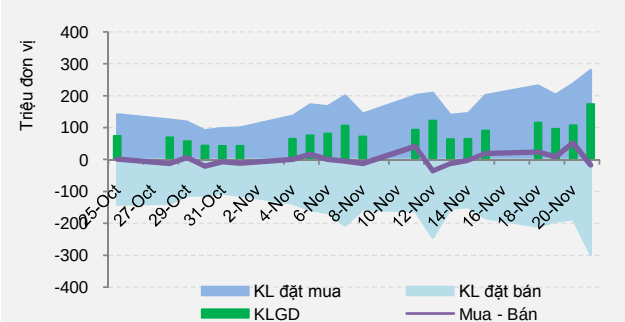
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 21/11/2013

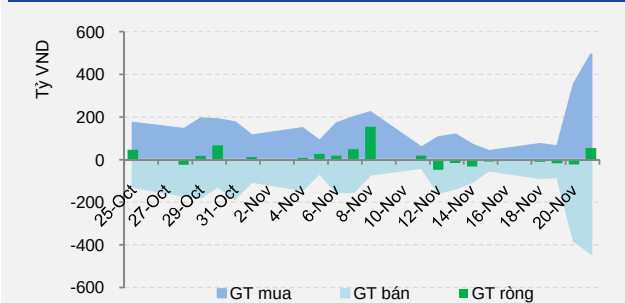
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	503.5	64.4
% Thay đổi	↓ -0.4%	↓ -0.4%
KLGD (CP)	173,935,437	100,264,326
GTGD (tỷ đồng)	2,425.71	755.75
Tổng cung (CP)	297,790,450	136,504,000
Tổng cầu (CP)	281,118,530	124,049,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	7,341,567	1,758,100
KL mua (CP)	9,846,056	3,622,303
GTmua (tỷ đồng)	493.69	41.08
GT bán (tỷ đồng)	438.64	18.97
GT ròng (tỷ đồng)	55.05	22.10

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.08%	7.2	1.7	2.8%
Công nghiệp	↓ -0.59%	201.9	1.1	22.7%
Dầu khí	↑ 0.52%	7.4	1.4	2.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -3.77%	13.0	1.7	2.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.61%	8.3	2.7	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.54%	12.4	5.1	17.0%
Ngân hàng	↓ -0.73%	6.5	1.3	4.4%
Nguyên vật liệu	↓ -0.29%	10.0	2.0	10.3%
Tài chính	↓ -0.54%	15.3	2.4	28.6%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.68%	8.8	3.2	8.4%
VN - Index	↓ -0.39%	12.7	2.9	76.3%
HNX - Index	↓ -0.37%	16.6	1.5	23.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	3,269,550	1.9%	1,788,010	1.0%
GTGD (tỷ VND)	56,263	2.3%	33,558	1.4%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Khối lượng đặt bán đã tăng mạnh khi VN-Index tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm, HNX-Index tiến gần ngưỡng cản 66 điểm. Áp lực chốt lời khởi đầu từ nhóm cổ phiếu thị giá thấp đã tăng nóng, từ đó lan sang toàn thị trường chung. Điểm tích cực là lực cầu mua vào rất mạnh, đẩy khối lượng khớp lệnh toàn thị trường tăng đột biến, dòng tiền đổ vào sàn HOSE đạt mức cao nhất kể từ cuối năm 2010.

Phiên giảm điểm về cuối phiên với thanh khoản đột biến, thiết lập cột nền Shooting Star cho chỉ báo về khả năng điều chỉnh giảm. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh trong vài phiên giao dịch tới với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 495-500 điểm đối với VN-Index, 61-63 điểm đối với HNX-Index. Nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng dự kiến tiếp tục chịu áp lực bán mạnh.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh. Tuy nhiên ở thời điểm hiện tại nhà đầu tư ngắn hạn nên giảm tỷ trọng các cổ phiếu đầu cơ đã tăng nóng. Còn đối với các nhà đầu tư trung dài hạn hiện đang nắm giữ các cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu có nền tảng cơ bản tiếp tục giữ trạng thái danh mục.

- VN-Index giảm 1.98 điểm (0.39%) so với phiên trước, xuống 503.54 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 510.21 điểm.

- HNX-Index giảm 0.23 điểm (0.36%), xuống 64.38 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 65.37 điểm.

- Tính tới ngày 19/11/2013, đã có 655 doanh nghiệp niêm yết (chiếm 98% vốn hóa thị trường) công bố kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2013 với 80% doanh nghiệp báo lãi. Tổng lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp đạt 57.417 tỷ VND, tăng hơn 16% so với cùng kỳ, hoàn thành 77% kế hoạch lợi nhuận năm 2013. Ngành Bất động sản vẫn tiếp tục là ngành có mức tăng trưởng lợi nhuận cao nhất kể từ Quý 2/2013, hơn 192.2% so với cùng kỳ chủ yếu nhờ sự đóng góp của VIC. Ngành Xây dựng và Vật liệu tiếp tục có mức suy giảm lợi nhuận lớn nhất trong 9 tháng 2013 so cùng kỳ, giảm hơn 131%.

- FED vừa công bố biên bản họp phiên họp định kỳ tháng 9. Fed cam kết duy trì lãi suất cho đến khi tỷ lệ thất nghiệp chạm 6.5% và lạm phát duy trì dưới 2.5%. Về khả năng thu hẹp gói QE3, có khả năng Fed bắt đầu thực hiện từ cuộc họp tháng 12 do những cải thiện của thị trường lao động. Tuy nhiên, rủi ro từ vấn đề nâng trần nợ công của Chính phủ dự kiến cũng sẽ là vấn đề FED tính đến, nhằm giảm thiểu tác động đến nền kinh tế.

- Thủ tướng trả lời chất vấn trước Quốc hội với một số thông tin đáng chú ý. CPI tháng 11 dự kiến tăng 0.4%, 11 tháng tăng 5.54%, ước cả năm tăng 6.2 – 6.3%, mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua. Dự nợ tín dụng hết tháng 11 tăng 9%, có khả năng cả năm đạt 11 – 12%. Như vậy lượng tín dụng bơm ra nền kinh tế trong tháng 12 lên tới khoảng 2-3%, tương đương 60-90 nghìn tỷ đồng.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 1.98 điểm (0.39%) so với phiên trước, xuống 503.54 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 510.21 điểm.

- KLGD tăng mạnh 163% so với phiên trước lên 169 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 57 điểm, tâm lý thị trường thận trọng hơn. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang dao động phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Khối lượng đặt bán đã tăng mạnh khi thị trường tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Áp lực chốt lời khởi đầu từ nhóm cổ phiếu thị giá thấp đã tăng nóng, từ đó lan sang toàn thị trường chung. Điểm tích cực là lực cầu mua vào rất mạnh, đẩy khối lượng khớp lệnh toàn thị trường tăng đột biến, dòng tiền đổ vào thị trường đạt mức cao nhất kể từ cuối năm 2010.

Phiên giảm điểm về cuối phiên với thanh khoản đột biến, thiết lập cột nền Shooting Star cho chỉ báo về khả năng điều chỉnh giảm. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh trong vài phiên giao dịch tới với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 495-500 điểm. Nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng dự kiến tiếp tục chịu áp lực bán mạnh.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục/thực hiện tái cơ cấu danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.23 điểm (0.36%), xuống 64.38 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 65.37 điểm.

- KLGD tăng mạnh 122% so với phiên trước, lên 99 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 giảm xuống mức 71 điểm, vẫn ở mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày đang giảm khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index giảm điểm về cuối phiên khi tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 66 điểm. Phiên giảm điểm về cuối phiên với thanh khoản đột biến, thiết lập cột nền Shooting Star cho chỉ báo về khả năng điều chỉnh giảm.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh trong vài phiên giao dịch tới với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 61-63 điểm. Nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng dự kiến tiếp tục chịu áp lực bán mạnh.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục/thực hiện tái cơ cấu danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	2.2%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	13.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	29.4%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	44.4%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	11.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	39.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	49.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	23.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	45.0%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q3/2013 CAO NHẤT

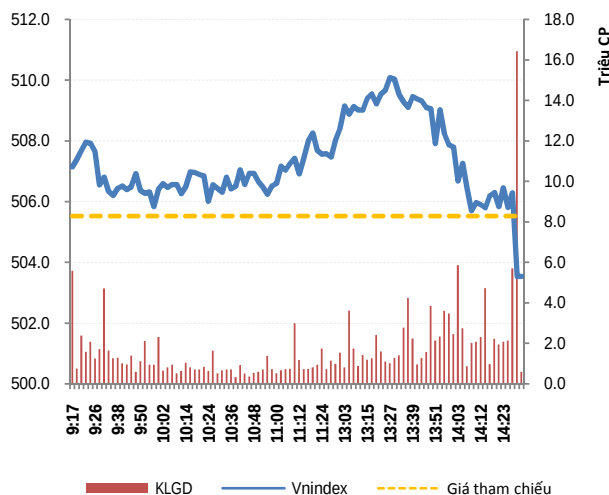
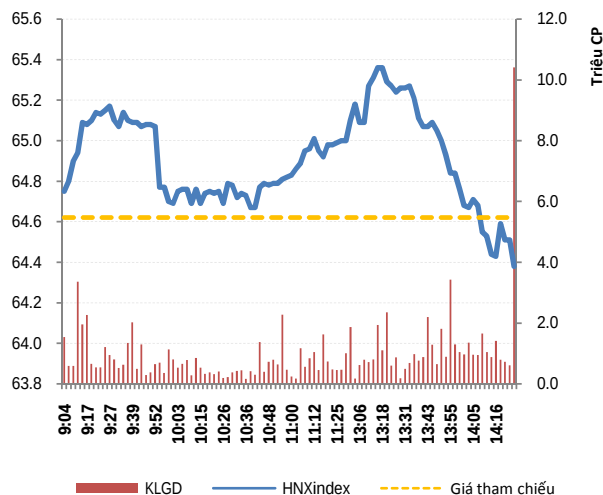
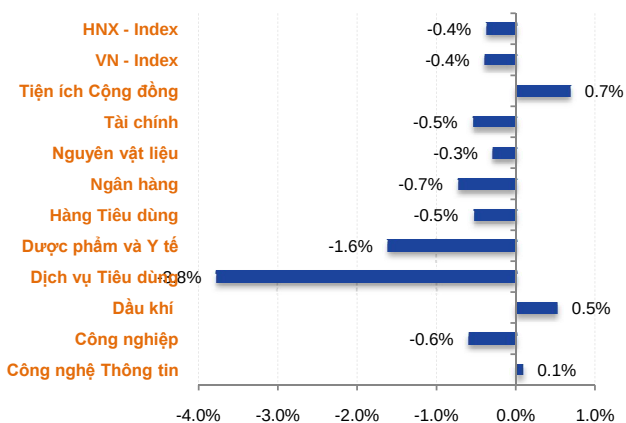
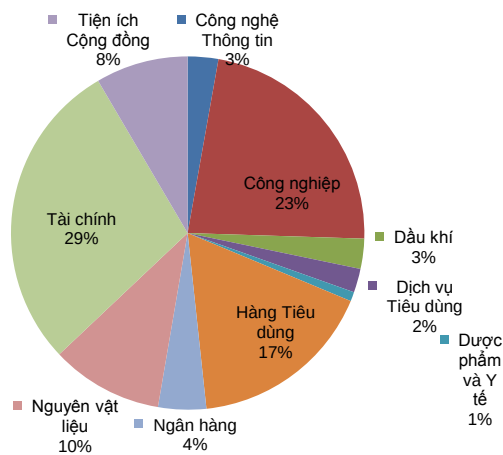
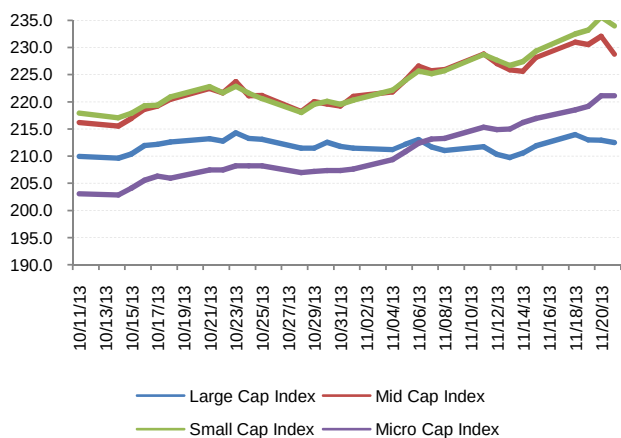
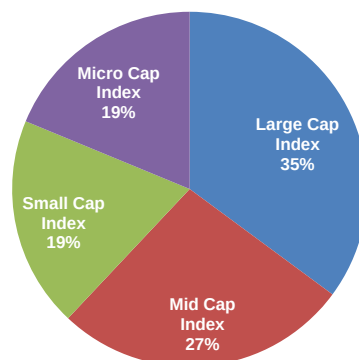
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	2.2%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	13.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.0%
4	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	39.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	44.4%
6	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	23.0%
7	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	29.4%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	49.0%
9	BVH	HOSE	2131.06	102.6%	280.51	102.6%	6337.23	101.5%	804.74	-15.5%	73.0%	24.1%
10	HAG	HOSE	599.3	25.0%	235.58	243.9%	2014.28	56.9%	606.16	117.7%	73.0%	38.4%

CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI KÍN ROOM

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	49.0%
2	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	49.0%
3	BMP	HOSE	523.37	111.6%	87.06	96.8%	1552.16	112.9%	282.92	8.8%	89.8%	49.0%
4	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	-13.3%	76.0%	49.0%
5	JVC	HOSE	106.76	46.3%	10.39	17.0%	347.88	103.8%	23.92	-63.9%	11.9%	49.0%
6	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17307.3%	104.8%	49.0%
7	VSC	HOSE	213.22	108.5%	59.34	114.5%	576.71	99.7%	160.92	-3.2%	100.3%	49.0%
8	PHS	HNX	10.63	118.1%	-8.13	48.8%	37.67	84.0%	-14.13	78.7%	0.0%	49.0%
9	VCS	HNX	462.39	180.8%	12.9	105.7%	1001.59	138.4%	48.57	38.7%	96.5%	49.0%
10	NVT	HOSE	53.31	114.3%	11.73	701.5%	163.86	99.2%	20.97	257.0%	110.4%	48.0%

Ghi chú: Chỉ liệt kê những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/11/2013

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	1,083,540	HQC	440,000
2	VNE	523,500	DIG	193,000
3	PPC	401,910	CII	179,270
4	HAG	335,259	HBC	177,350
5	GMD	301,390	VCB	148,810

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	1,098,200	SHB	701,100
2	PVS	965,600	PGS	256,900
3	KLS	275,000	VPC	119,100
4	VND	247,000	DBC	80,000
5	PVX	218,800	PVG	55,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.7	6.6	↓ -1.49%	15,806,840
FLC	6.4	6.2	↓ -3.13%	9,043,860
PVT	11.4	11.0	↓ -3.51%	6,074,820
HQC	7.4	6.9	↓ -6.76%	5,417,740
REE	29.1	28.7	↓ -1.37%	4,445,720

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	7.3	7.3	→ 0.00%	9,203,971
SHB	7.1	7.1	→ 0.00%	8,518,593
KLS	8.7	8.7	→ 0.00%	6,644,275
VCG	9.9	9.9	→ 0.00%	6,631,846
SHS	5.8	5.8	→ 0.00%	5,403,101

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.3	1.4	0.1	↑ 7.69%
TYA	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
LM8	19.5	20.8	1.3	↑ 6.67%
CTI	7.7	8.2	0.5	↑ 6.49%
DTA	3.1	3.3	0.2	↑ 6.45%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LCS	5.9	6.9	1.0	↑ 16.95%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
APP	10.8	10.8	0.0	→ 0.00%
API	8.5	8.5	0.0	→ 0.00%
APG	3.8	3.8	0.0	→ 0.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLF	7.2	6.7	-0.5	↓ -6.94%
TLH	8.8	8.2	-0.6	↓ -6.82%
DIC	7.4	6.9	-0.5	↓ -6.76%
HQC	7.4	6.9	-0.5	↓ -6.76%
LCG	7.4	6.9	-0.5	↓ -6.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
APP	10.8	10.8	0.0	→ 0.00%
API	8.5	8.5	0.0	→ 0.00%
APG	3.8	3.8	0.0	→ 0.00%
AMV	7.5	7.5	0.0	→ 0.00%
AME	6.7	6.7	0.0	→ 0.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	15,806,840	0.2%	26	256.1	0.6
FLC	9,043,860	6.3%	990	6.3	0.4
PVT	6,074,820	5.9%	680	16.2	0.9
HQC	5,417,740	4.2%	452	15.3	0.6
REE	4,445,720	23.6%	4,152	6.9	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	9,203,971	-1.1%	(160)	-	0.5
SHB	8,518,593	17.1%	1,884	3.8	0.6
KLS	6,644,275	6.4%	810	10.7	0.7
VCG	6,631,846	3.4%	403	24.8	0.8
SHS	5,403,101	8.2%	639	9.4	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 7.7%	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
TYA	↑ 6.9%	11.9%	1,228	5.0	0.6
LM8	↑ 6.7%	25.8%	5,293	3.9	1.0
CTI	↑ 6.5%	4.5%	537	15.3	0.7
DTA	↑ 6.5%	-8.0%	(868)	-	0.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LCS	↑ 16.9%	1.2%	172	34.9	0.4
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.1	0.6
APP	→ 0.0%	16.5%	2,174	5.1	0.8
API	→ 0.0%	-37.3%	(4,505)	-	0.9
APG	→ 0.0%	-2.1%	(154)	-	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	1,083,540	0.2%	26	256.1	0.6
VNE	523,500	0.4%	38	172.0	0.6
PPC	401,910	39.7%	6,105	3.8	1.4
HAG	335,259	5.9%	1,095	19.6	1.2
GMD	301,390	4.3%	1,729	17.6	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	1,098,200	3.4%	403	24.8	0.8
PVS	965,600	17.3%	2,872	6.3	1.1
KLS	275,000	6.4%	810	10.7	0.7
VND	247,000	10.9%	1,265	7.7	0.8
PVX	218,800	-92.1%	(5,013)	-	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	122,228	40.9%	6,696	9.6	3.7
VNM	117,520	40.5%	8,053	17.5	7.0
VCB	66,973	9.8%	1,757	16.5	1.6
CTG	63,670	16.0%	2,287	7.5	1.3
VIC	61,793	47.1%	6,710	10.1	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	7.5%	1,027	15.3	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,085	17.3%	2,872	6.3	1.1
SHB	6,291	17.1%	1,884	3.8	0.6
VCG	4,417	3.4%	403	24.8	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	2.95	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
GMD	2.28	4.3%	1,729	17.6	0.8
KBC	2.22	-8.6%	(1,156)	-	0.7
BVH	2.19	9.0%	1,618	24.4	2.3
OGC	2.15	-1.8%	(196)	-	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	5.58	1.3%	135	31.8	0.4
ITQ	5.42	0.4%	42	140.0	0.6
PVA	5.07	-142.4%	(6,367)	-	0.9
PVL	4.58	-4.9%	(526)	-	0.3
PFL	4.49	-16.1%	(1,522)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)